

Số: 90 /QĐ-THCS

Kim Sơn, ngày 14 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
"V/v Công bố công khai quyết toán Thu - Chi ngân sách và nguồn khác
năm 2021".

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao dự toán ngân sách năm 2021 (Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ ngân sách năm 2021);

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-PGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều phê duyệt điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2021.

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-PGDĐT ngày 20 tháng 05 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2021 (nguồn kinh phí không tự chủ năm 2021);

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-PGDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục khác (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-PGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục khác (nguồn kinh phí tự chủ) năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục khác (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-PGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục khác (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2021,

Căn cứ thông báo số 372/TB-PGD&ĐT ngày 13 tháng 04 năm 2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “ Về việc xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách và nguồn khác năm 2021”

Căn cứ tình hình thực hiện thu - chi nguồn ngân sách Nhà nước năm 2021 của trường THCS Kim Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường THCS Kim Sơn (theo biểu mẫu 04 ngày 15 tháng 01 năm 2022).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Bộ phận hành chính kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang TTĐT nhà trường;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Đặng Thị Thảo

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG THCSKIM SƠN**

Chương: **622**

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 90 /QĐ-THCS ngày 14/04/2022 của Hiệu trưởng trường THCS Kim Sơn)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
I	Quyết toán thu	643.017.900	643.017.900	0	
A	Tổng số thu	643.017.900	643.017.900	0	
1	Học phí	156.600.000	156.600.000	0	
2	Tiền trông giữ phương tiện giao thông	27.578.000	27.578.000		
3	Tiền học kỹ năng sống	71.784.000	71.784.000	0	
4	Tiền học tiếng anh với người nước ngoài	69.496.000	69.496.000	0	
5	Tiền học thêm buổi 2	30.720.000	30.720.000	0	
6	Chăm sóc sức khỏe ban đầu + BH y tế học sinh	286.839.900	286.839.900	0	
B	Chi từ nguồn thu được để lại	643.017.900	643.017.900	0	
1	Học phí	156.600.000	156.600.000	0	
2	Tiền trông giữ phương tiện giao thông	27.578.000	27.578.000	0	
3	Tiền học kỹ năng sống	71.784.000	71.784.000	0	
4	Tiền học tiếng anh với người nước ngoài	69.496.000	69.496.000	0	
5	Tiền học thêm buổi 2	30.720.000	30.720.000	0	
6	Chăm sóc sức khỏe ban đầu + BH y tế học sinh	286.839.900	286.839.900	0	
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.939.142.000	3.939.142.000	0	
1	Chi thường xuyên	3.699.980.000	3.699.980.000	0	
1.1.1	Chi thanh toán cho cá nhân	2.876.944.063	2.876.944.063	0	
	Mục 6000: Tiền lương	1.450.514.631	1.450.514.631	0	
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	18.350.502	18.350.502	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	869.532.224	869.532.224	0	
	Mục 6200: Tiền thưởng	10.728.000	10.728.000	0	

	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	10.000.000	10.000.000	0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	416.448.139	416.448.139	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	101.370.567	101.370.567	0	
1.1.2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>714.797.589</u>	<u>714.797.589</u>	0	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	73.257.389	73.257.389	0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	99.647.500	99.647.500	0	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	20.208.000	20.208.000	0	
	Mục 6650: Hội nghị	15.641.000	15.641.000	0	
	Mục 6700: Công tác phí	52.250.000	52.250.000	0	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	65.083.200	65.083.200	0	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	152.466.000	152.466.000	0	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	26.960.000	26.960.000	0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	193.684.500	193.684.500	0	
-	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	15.600.000	15.600.000	0	
1.1.3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>108.238.348</u>	<u>108.238.348</u>	0	
	Mục 7750: Chi khác	108.238.348	108.238.348	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	239.162.000	239.162.000	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	20.182.000	20.182.000	0	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác	11.400.000	11.400.000	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	15.800.000	15.800.000	0	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	182.780.000	182.780.000		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	9.000.000	9.000.000	0	

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Thảo

